

NGHỊ QUYẾT

Quy định giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm học 2021 - 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

Xét Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm học 2021 - 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức giá dịch vụ giáo dục đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm học 2021 - 2022.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết áp dụng đối với học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu giá dịch vụ giáo dục.

Điều 2. Giá dịch vụ giáo dục đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm học 2021 - 2022

1. Giá dịch vụ giáo dục đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm học 2021 - 2022: Hệ chính quy.

Đvt: Đồng/tháng/người

STT	Cấp, bậc học	Mức giá dịch vụ giáo dục (học phí)
1	Trung cấp	440.000
2	Trung cấp Y dược	820.000
3	Cao đẳng	550.000
4	Cao đẳng Y dược	960.000

2. Giá dịch vụ giáo dục đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm học 2021 - 2022: Hệ vừa học vừa làm.

Đvt: Đồng/tháng/người

STT	Cấp, bậc học	Mức giá dịch vụ giáo dục (học phí)
1	Trung cấp	570.000
2	Trung cấp Y dược	1.150.000
3	Cao đẳng	720.000
4	Cao đẳng Y dược	1.230.000

3. Giá dịch vụ giáo dục học lại đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm học 2021 - 2022: Hệ chính quy.

Đvt: Đồng/tín chỉ

STT	Cấp, bậc học	Mức giá dịch vụ giáo dục (học phí)
1	Trung cấp	88.000
2	Trung cấp Y dược	149.000
3	Cao đẳng	157.000
4	Cao đẳng Y dược	88.000

4. Giá dịch vụ giáo dục học lại đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm học 2021 - 2022: Hệ vừa học vừa làm.

Đvt: Đồng/tín chỉ

STT	Cấp, bậc học	Mức giá dịch vụ giáo dục (học phí)
1	Trung cấp	114.000
2	Trung cấp Y dược	209.000
3	Cao đẳng	206.000
4	Cao đẳng Y dược	324.000

Điều 3. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc quy định mức

thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Các quy định về miễn, giảm giá dịch vụ giáo dục (học phí), hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TPHCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. 7/21

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền